

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 27 – 3 - 2020  
*Về việc Hôn nhân gia đình*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thu Hiền

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Bùi Văn Hồng

Ông Phạm Thành

- *Thư ký phiên tòa :* Bà Trương Thị M Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:*  
Ông Tống Khánh Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa Hôn nhân gia đình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 74/2019/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2019 về việc “Hôn nhân gia đình”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 03/2020/QĐXX-ST ngày 24 tháng 02 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/QĐ-PT ngày 06/3/2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Phạm Thị H; sinh năm 1981. Địa chỉ: Đội 4, xã Thanh Lộc, huyện Can Lộc tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

*Bị đơn:* Trương Văn M; sinh năm: 1979. Địa chỉ tH trú trước khi xuất cảnh: Đội 4, xã Thanh Lộc, huyện Can Lộc, Hà Tĩnh. Hiện đang làm việc tại Cộng hòa Liên bang Đức, (vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện , các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, vụ án có nội dung:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Trương Văn M tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 29/9/2007 tại Ủy ban nhân dân xã Gia Hạnh, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Năm 2017 vợ chồng bàn bạc để anh M xuất cảnh lao động sang Đức để cải thiện kinh tế. Thời gian đầu anh M có liên lạc về cho gia đình NH2 sau đó ít dần. Vợ chồng sống xa nhau, không quan tâm chăm sóc nhau và phát sinh nhiều mâu

thuần. Nay chị H không còn tình cảm với anh M nữa nên làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh M.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung: Trương Thị Thục Qsinh ngày 06/6/2008; Trương Lan H1 sinh ngày 01/8/2011, Trương Chấn H2 sinh ngày 28/8/2014. Chị H có nguyện vọng nuôi 03 con và không yêu cầu anh M cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trương Văn M hiện đang làm việc tại Cộng hòa Liên bang Đức, quá trình giải quyết vụ án không thể về Việt Nam do bận công việc. Anh M đã gửi đơn đề nghị giải quyết việc Hôn nhân và gia đình (gửi về cho anh trai Trương Văn Lộc giao nộp cho Tòa án). Tòa án đã về làm việc với chính quyền địa phương xã Thanh Lộc, huyện Can Lộc; làm việc với anh Trương Văn Lộc – là anh trai anh M; gọi điện (ghi âm, ghi hình) qua tài khoản mạng xã hội với anh M do gia đình cung cấp, có sự chứng kiến của chính quyền địa phương, nội dung thể hiện: Hiện anh M đang làm việc tại Đức không thể về Việt Nam để giải quyết vụ án, việc chị H yêu cầu ly hôn anh đã biết và đồng ý thu ận tình ly hôn với chị H và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh. Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung: Trương Thị Thục Qsinh ngày 06/6/2008; Trương Lan H1 sinh ngày 01/8/2011, Trương Chấn H2 sinh ngày 28/8/2014. Chị H có nguyện vọng nuôi 03 con và không yêu cầu anh M cấp dưỡng. Hiện con đang ở cùng mẹ. Chị H có nguyện vọng được nuôi 3 con và không yêu cầu cấp dưỡng anh đồng ý. Về nợ chung, tài sản chung : không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Các tài liệu liên quan đến vụ án đề nghị Tòa án gửi về cho anh trai Trương Văn Lộc giao nhận.

Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận thống nhất được với nhau đã đề nghị Tòa án áp dụng Điều 369, Điều 370 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 51, 55, 81, 123, 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu của các đương sự về việc xin ly hôn. Về vấn đề con chung: xử chấp nhận thỏa thuận giao con chung: Trương Thị Thục Qsinh ngày 06/6/2008; Trương Lan H1 sinh ngày 01/8/2011, Trương Chấn H2 sinh ngày 28/8/2014 cho chị H chăm sóc nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét. Về nợ chung, tài sản chung đương sự không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Trương Văn M đang làm việc tại CH Liên bang Đức, số hộ chiếu C 2397503, lần xuất cảnh gần đây nhất là ngày 27/3/2017 và chưa có thông tin nhập cảnh trở lại. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã thụ lý vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định tại Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do điều kiện công việc nên anh M yêu cầu được vắng mặt trong toàn bộ quá trình xét xử và các tài liệu liên quan đến vụ án đề nghị Tòa án gửi về cho anh trai là Trương Văn Lộc nhận. Chị H vì lý do công việc nên làm đơn xin được xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt anh Trương Văn M, chị Phạm Thị H theo thủ tục chung.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị Phạm Thị H và anh Trương Văn M được hình thành cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn hợp pháp ngày 29/9/2007 tại Ủy ban nhân dân xã Gia Hanh, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Năm 2017 anh M xuất cảnh sang Đức lao động kiếm sống. Thời gian đầu anh M có liên lạc về cho gia đình nH2 sau đó thưa dần. Do vợ chồng sống xa nhau nên không có điều kiện quan tâm chăm sóc nhau và phát sinh nhiều mâu thuẫn, tình cảm không còn. Trong đơn đề nghị giải quyết việc Hôn nhân và gia đình anh M cũng thừa nhận do khoảng cách địa lý vợ chồng phải sống xa nhau tình cảm không còn việc chị H yêu cầu ly hôn anh đồng ý.

Mục đích hôn nhân là xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc nH2 cuộc hôn nhân giữa chị H anh M không đạt được mục đích đó.

Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, đúng pháp luật. Vợ chồng sống mỗi người một nơi không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, 55 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của chị Phạm Thị H và anh Trương Văn M.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung: Trương Thị Thục Qsinh ngày 06/6/2008; Trương Lan H1 sinh ngày 01/8/2011, Trương Chấn H2 sinh ngày 28/8/2014. Chị H có nguyện vọng nuôi 03 con và không yêu cầu anh M cấp dưỡng. Các con cũng có đơn nguyện vọng xin được ở với mẹ. Xét thấy nguyện vọng nuôi con của chị H là chính đáng, con từ nhỏ đến nay ở với mẹ hơn nữa anh M hiện không ở Việt Nam nên cần giao con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp. Trong đơn đề nghị giải quyết việc Hôn nhân và gia đình anh M cũng đồng ý với nguyện vọng của chị H về vấn đề con chung. Xét thấy sự thỏa thuận này của chị H anh M là hoàn toàn tự nguyện và đúng pháp luật nên cần chấp nhận sự thỏa thuận của các bên về vấn đề con cái.

Hiện tại chị H không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ: Hai đương sự không yêu cầu nên Tòa không xem xét.

[3] Về án phí ly hôn: Chị Phạm Thị H tự nguyện chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ các Điều 28, 37, 227, 469, 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 55, 57, 81, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Trương Văn M.

**2. Về con:** Xử giao con chung Trương Thị Thục Qsinh ngày 06/6/2008; Trương Lan H1 sinh ngày 01/8/2011; Trương Chân H2 sinh ngày 28/8/2014 cho chị Phạm Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Trương Văn M được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

**3. Về tài sản chung và nợ:** Hai đương sự không yêu cầu nên miễn xét.

**4. Về án phí :** Áp dụng Điều 147, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 buộc chị Phạm Thị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm (đã nộp theo biên lai số 0001769 ngày 24/12/2019 tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh).

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án (hoặc ngày niêm yết công khai bản án theo quy định pháp luật).

*Nơi nhận:*

- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THSDS tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- UBND xã Thanh Lộc;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Thu Hiền**

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn , vắng mặt bị đơn . Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án . Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án (hoặc ngày niêm yết công khai bản án theo quy định pháp luật).

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Văn Hồng      Phạm Thành**

**Nguyễn Thị Bích Đào**